

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2023/DS-ST
Ngày 23-5-2023
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bà Hánh

2. Ông Nguyễn Vĩnh L

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Th- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A

2. *Bị đơn:* ông Lê Tấn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bằng Lăng, xã Tân Lập, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của ông Bùi Văn Đ trình bày: Ngày 19/7/2021 vợ chồng ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có mượn của ông số tiền 72.000.000 đồng có hẹn đến ngày 17/10/2022 âm lịch trả hết số tiền nhưng đến

nay vợ chồng ông T không trả.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả lại số tiền 72.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Bị đơn ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 17/9/2021 vợ chồng chúng tôi có mượn của ông Bùi Văn Đ số tiền 72.000.000đồng hẹn đến ngày 17/10/2022 âm lịch sẽ trả nợ trên, nhưng do hoàn cảnh gia đình làm ăn khó khăn nên chưa trả tiền ông Đ.

Nay vợ chồng chúng tôi thông nhất nợ ông Đ 72.000.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn Đ cung cấp chứng 01 biên nhận ngày 17/9/2021 của vợ chồng ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H nợ số tiền 72.000.000đồng. Phía ông T và bà H thừa nhận có thiếu ông Đ số tiền vay 72.000.000đồng và đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng ông T xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng không được nguyên đơn đồng ý và yêu cầu trả nợ vay 72.000.000đồng là có cơ sở.

Về lãi suất ông Đ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Căn cứ Điều Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 quy định án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa ông Bùi Văn Đ với ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn Đ cung cấp chứng cứ 01 biên nhận mượn tiền ngày 17/9/2021 âm lịch của vợ chồng ông T số tiền 72.000.000đồng. Tại phiên tòa vợ chồng ông T và bà H thừa nhận có ký tên trong biên nhận nợ tiền ông Đ 72.000.000đồng là phù hợp chứng cứ ông Đ cung

cấp cho Tòa án.

[2.1] Về thời gian trả nợ, xét thấy ngày 17/9/2021 âm lịch vợ chồng ông T và bà H có vay của ông Đ số tiền 72.000.000đồng, biên nhận do ông Đ viết vợ chồng ông T thừa nhận và có ký tên vào biên nhận nợ, cũng như trong biên nhận nợ vợ chồng ông T có hứa với ông Đ đến ngày 17/10/2022 âm lịch trả hết số tiền nợ cho ông, nhưng đến ngày trả nợ vợ chồng ông T không thực hiện theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ông Đ. Nên tại phiên tòa ông T và bà H xin trả dần số tiền nợ mỗi tháng 500.000đồng không được ông Đ đồng ý và yêu cầu vợ chồng ông T trả 01 lần số tiền nợ 72.000.000đồng là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[2.2] Về lãi suất, tại phiên tòa ông Đ không yêu ông T và bà H trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông Đ đơn khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn Đ.

1. Buộc ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả ông Bùi Văn Đ số tiền vay 72.000.000đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả ông Bùi Văn Đ 1.800.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004424 ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Th.

3. Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Th;
- Chi cục THADS huyện Tân Th;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H